

Số: /2020/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế tuyển dụng công chức  
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày .... tháng 4 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và thay thế Quyết định số 86/2013/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 23/4/2015 của UBND tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 86/2013/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Hà

Nam; Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định ngành đào tạo đối với công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Hà Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- LĐVP, NC, Công báo;
- Các Sở: Nội vụ; Tư pháp;
- Website Hà Nam;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Đông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ**  
**TUYÊN DỤNG CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với những người tham gia dự tuyển vào các chức danh công chức cấp xã quy định tại Khoản 3, Điều 61 Luật Cán bộ, công chức và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 3. Nguyên tắc, căn cứ tuyển dụng**

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật.

2. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào chức trách, yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

4. Việc tổ chức tuyển dụng phải có kế hoạch cụ thể dựa trên nhu cầu thực tế của các xã, phường, thị trấn, các huyện, thành phố, thị xã và được Sở Nội vụ thẩm định.

**Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển**

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Có một Quốc tịch là Quốc tịch Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại huyện, thành phố, thị xã nơi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã;

b) Đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;

d) Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã; có chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông;

- d) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Người đăng ký dự tuyển ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 3, Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

3. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

### **Điều 5. Thẩm quyền tuyển dụng**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

#### **Mục 1. THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

#### **Điều 6. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển**

Thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

**1. Vòng 1:** Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

**Phần I:** Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thời gian thi 60 phút;

**Phần II:** Tin học 30 câu hỏi về kiến thức cơ bản, kỹ năng ứng dụng tin học văn phòng vào nhiệm vụ chuyên môn. Thời gian thi 30 phút;

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Miễn phần thi tin học (*vòng 1*) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên;

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi

trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho người dự tuyển được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính;

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để người dự tuyển biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày sau ngày thông báo kết quả điểm thi trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để người dự tuyển được biết;

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này nhưng không quá 15 ngày.

e) Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự thi vòng 2;

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức thi vòng 2:

## **2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành**

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí chức danh công chức yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau, bảo đảm phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Hình thức thi: Thi phỏng vấn hoặc thi viết:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hình thức thi phỏng vấn hoặc thi viết. Trường hợp vòng 2 được tổ chức bằng hình thức phỏng vấn thì không thực hiện việc phúc khảo;

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút, thi viết 180 phút;

d) Thang điểm (thi phỏng vấn hoặc thi viết): 100 điểm.

## **Điều 7. Hội đồng thi tuyển**

1. Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã (*sau đây viết tắt là Hội đồng thi tuyển*) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Hội đồng thi tuyển thực hiện nhiệm vụ trong kỳ thi tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng thi tuyển được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng.

3. Hội đồng thi tuyển công chức có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.”

4. Hội đồng thi tuyển làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển.

### **Hội đồng thi tuyển có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:**

a) Xây dựng nội quy, quy chế kỳ thi tuyển; thông báo thời gian, địa điểm tổ chức ôn thi và tổ chức thi tuyển.

b) Thành lập Ban giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2;

c) Tiếp nhận và xét hồ sơ dự tuyển, thông báo danh sách những người đủ điều kiện và tiêu chuẩn dự thi tuyển.

d) Tổ chức thu và sử dụng phí dự tuyển theo quy định.

đ) Tổ chức thi; chấm thi viết hoặc phỏng vấn theo đúng quy chế.

e) Công bố công khai kết quả thi tuyển công chức cấp xã.

g) Tổ chức việc chấm phúc khảo kết quả thi tuyển (*nếu thí sinh có khiếu nại*) trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo.

h) Chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, kể cả phỏng vấn (*nếu có*), Hội đồng thi tuyển phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, quyết định phê duyệt kết quả thi tuyển.

k) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo (*nếu có*) trong quá trình thi tuyển.

## **Điều 8. Ban đề thi**

1. Ban đề thi do Chủ tịch Hội đồng thi tuyển thành lập gồm: Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng ban đề thi:

a) Tổ chức thực hiện việc xây dựng bộ đề thi, ngân hàng câu hỏi theo quy định;

b) Tổ chức điều hành toàn bộ hoạt động của công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi, ra đề thi; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thi và trước pháp luật về công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi, ra đề thi;

c) Bảo mật ngân hàng câu hỏi, đề thi theo chế độ tài liệu "Mật".

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Ban đề thi:

a) Tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi, bộ đề thi theo phân công của Trưởng ban đề thi;

b) Bảo mật đề thi, ngân hàng câu hỏi theo chế độ tài liệu "Mật".

4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên kiêm Thư ký:

Ghi biên bản các cuộc họp, hoạt động của Ban đề thi và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng ban đề thi.

5. Tiêu chuẩn thành viên Ban đề thi:

a) Người được cử làm thành viên Ban đề thi là công chức, viên chức có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển

b) Không cử làm thành viên Ban đề thi đối với những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ hoặc con nuôi của người dự thi hoặc những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật;

c) Người được cử làm thành viên Ban đề thi không được tham gia làm thành viên Ban coi thi.

6. Trường hợp đề thi do Sở Nội vụ xây dựng (theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện) thì Hội đồng thi tuyển không cần thành lập Ban đề thi.

### **Điều 9. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển**

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

## **Mục 2. XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **Điều 10. Hội đồng xét tuyển**

1. Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã (sau đây viết tắt là Hội đồng xét tuyển) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Hội đồng xét tuyển thực hiện nhiệm vụ trong kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng xét tuyển được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng.

3. Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc phòng Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đề nghị tuyển dụng.

### **Điều 11. Nội dung và hình thức xét tuyển**

1. Xét tuyển đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn.

2. Nội dung xét tuyển được xem xét theo các điều kiện đăng ký dự tuyển, quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Việc xét tuyển được thực hiện theo 2 vòng như sau:

a) Vòng 1:

Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức đã đăng ký tại Phiếu đăng ký và hồ sơ dự tuyển, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 quy định tại điểm b khoản này;

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự phỏng vấn vòng 2;

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức phỏng vấn.

b) Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn của người dự tuyển. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100. Thời gian phỏng vấn 30 phút. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.



## **Điều 12. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức**

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn phải có đủ các điều kiện sau:

a) Là người đạt các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 4 Quy chế này và được Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11 đạt từ 50 điểm trở lên.

c) Có điểm số vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (*nếu có*) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (*nếu có*) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn ở vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

## **Mục 3. TUYỂN DỤNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

**Điều 13. Tiếp nhận đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã**

1. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt

a) Người tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên ở trong nước hoặc đạt loại khá trở lên ở nước ngoài, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng, được xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển, nếu có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo quy định của Quy chế này;

Trường hợp sau khi tốt nghiệp đã có thời gian công tác thì trong thời gian công tác này không vi phạm pháp luật đến mức xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Việc xác định tốt nghiệp loại giỏi trở lên ở trong nước, loại khá trở lên ở nước ngoài được căn cứ vào xếp loại tại bằng tốt nghiệp.

b) Người có trình độ từ đại học trở lên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và có ít nhất 05 năm (*đủ 60 tháng*) trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (*không kể thời gian tập sự, thử việc*), nếu có thời gian công tác không liên tục, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn; trong thời gian công tác 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng, được xem xét tiếp nhận

không qua thi tuyển, nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo quy định của Quy chế này, gồm:

- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đã có thời gian làm viên chức 05 năm (*đủ 60 tháng*) trở lên, tính từ thời điểm được tuyển dụng viên chức (*không kể thời gian tập sự*);

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (*quân đội, công an*) và người làm công tác cơ yếu, đã có thời gian công tác 05 năm (*đủ 60 tháng*) trở lên trong lực lượng vũ trang (*quân đội, công an*) hoặc làm công tác cơ yếu, tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng chính thức vào quân đội, công an hoặc tại các tổ chức của lực lượng cơ yếu.

c) Cán bộ cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã thì được xem xét, tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;

- Còn số lượng và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

- Đáp ứng được ngay yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

- Trường hợp trước khi bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã chưa phải là công chức cấp xã thì thời gian giữ chức vụ cán bộ cấp xã ít nhất là 05 năm (*đủ 60 tháng*) trở lên;

- Tại thời điểm tiếp nhận không trong thời gian bị xem xét kỷ luật; bị điều tra, truy tố, xét xử và không trong thời hạn bị thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trường hợp không còn vị trí chức danh công chức cấp xã thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Quy trình xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để đánh giá về các điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, nhiệm vụ của chức danh công chức cần tuyển của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển. Hội đồng kiểm tra, sát hạch có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Một Ủy viên là lãnh đạo Phòng Nội vụ, kiêm Thư ký Hội đồng;

- Một Ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tiếp nhận;

- Các Ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

- Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển;

- Sắt hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận. Hình thức và nội dung sắt hạch do Hội đồng kiểm tra, sắt hạch căn cứ vào yêu cầu chức danh công chức cần tuyển, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sắt hạch;

- Hội đồng kiểm tra, sắt hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

c) Trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sắt hạch khi xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển:

Công chức cấp xã được bầu giữ chức vụ là cán bộ cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã đáp ứng được đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận trở lại.

3. Khi tuyển dụng các trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách, hồ sơ người được tiếp nhận không qua thi tuyển, báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trước khi tiếp nhận để quản lý số lượng, tiêu chuẩn công chức cấp xã theo quy định.

4. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển:

- Công văn đề nghị ủa Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký, trong đó nêu rõ số lượng và chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng tương ứng với từng trường hợp đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển trong phạm vi chỉ tiêu biên chế công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; nơi dự kiến bố trí công chức cấp xã sau khi được tuyển dụng; dự kiến xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo hướng dẫn tại Điều 10 Thông tư 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ;

- Biên bản, kết quả họp Hội đồng kiểm tra, sắt hạch đối với trường hợp phải qua kiểm tra, sắt hạch. Đối với trường hợp không phải kiểm tra, sắt hạch quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải có văn bản đề nghị tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu tiếp nhận đối với công chức cấp xã không qua thi tuyển;

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này; Bản sơ yếu lý lịch theo mẫu 2c ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức (sau đây viết tắt là mẫu 2c), có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển đối với trường hợp tiếp nhận quy định tại điểm b, điểm c, khoản 1 Điều này;

- Bản sao giấy khai sinh;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;